



# BẢN TIN ISG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN- VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

LƯU HÀNH NỘI BỘ - SỐ 2, 2004

## Tiêu điểm

### Thực hiện CPRGS ở nông thôn

#### I- Một số bài học kinh nghiệm

1. CPRGS không phải là khái niệm mới. Trong khu vực nông thôn, CPRGS là chiến lược tăng trưởng tập trung vào người nghèo và các vùng chịu thiệt thòi;

2. Chính phủ và Bộ NN và PTNT sẽ thực hiện CPRGS bằng cách lồng ghép chiến lược này vào các kế hoạch phát triển KTXH của ngành, tiểu ngành, và địa phương, chứ không phải thông qua các chương trình hoặc dự án riêng;

3. Việc thực hiện CPRGS tập trung chủ yếu vào việc cải thiện công tác lập kế hoạch và ngân sách ở tất cả các cấp, chuyển từ quá trình lập kế hoạch dựa trên đầu vào sang cách làm dựa vào kết quả cho tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, với các chỉ số theo dõi và giám sát, các biện pháp chính sách cụ thể và phân bổ nguồn lực. Do tính chất mới mẻ của việc này và tính chất đa dạng, phức tạp của Ngành NN-PTNT, phải thực hiện từng bước theo kiểu vừa làm vừa học;

4. Tạo ra môi trường thuận lợi, bình đẳng cho nông dân và các thành phần



Lồng ghép Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS) vào quá trình lập kế hoạch ở tất cả các cấp là một trong những chủ đề chính được thảo luận tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam tại Thành phố Vinh, 16-17 tháng 6 năm 2004.

Dưới đây là các nội dung quan trọng trích từ báo cáo của Bộ NN&PTNT đã trình bày tại Hội nghị.

kinh tế cùng phát triển và đóng góp vào sự nghiệp XDGN thông qua xây dựng và thực thi các chính sách phù hợp cũng là một biện pháp quan trọng;

5. Để thực hiện CPRGS cần có sự nỗ lực ở tất cả các cấp của Chính phủ, tổ chức xã hội, cộng đồng và người nghèo. Sự hợp tác của các nhà tài trợ sẽ rất cần thiết và quan trọng. Do đó, cần thiết phải có sự phối kết hợp chặt chẽ và hiệu quả.

#### II- Những thách thức chủ yếu

1. Duy trì được tốc độ phát triển nông nghiệp ở mức 4,5% năm và tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo nông thôn ở mức 2% năm là một thách thức lớn. Từ năm 1993 đến 2002, tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã giảm

(Xem tiếp trang 4)

## Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách

ISG đã và đang hỗ trợ Bộ NN và PTNT chuẩn bị các bản tổng hợp khuyến nghị chính sách với sự tham gia của các đơn vị liên quan của Bộ NN và PTNT và các nhà tài trợ. Bản khuyến nghị đầu tiên với chủ đề "Lồng ghép CPRGS vào trong chiến lược phát triển nông thôn của Bộ NN và PTNT" đang được chuẩn bị với một số

đóng góp của các nhà tài trợ có quan tâm. Ngày 17 tháng 5 năm 2004, Bộ NN và PTNT đã gửi công văn và phiếu khuyến nghị chính sách (đầu vào của Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách) đến các đơn vị có liên quan yêu cầu đơn vị khuyến nghị các chính sách và hành động có liên quan theo chủ đề nói trên. Văn phòng ISG bước đầu đã tổng hợp các ý

kiến phản hồi và phân loại theo các nhóm vấn đề, và gửi đến các nhà tài trợ trong Ban điều hành ISG cho ý kiến đóng góp xây dựng để đảm bảo tốt chất lượng cho các lần chuẩn bị tiếp theo.

Văn phòng ISG cũng đã đề nghị Ban điều hành ISG hỗ trợ chuyên gia về thể chế/chính sách để (i) tiến hành phân tích các đầu vào của Bản tổng hợp khuyến

ngợi chính sách và các ý kiến bình luận của các nhà tài trợ nhằm tìm ra những hàm ý về mặt chính sách trên cơ sở Bản tổng hợp này, và (ii) chuẩn bị một báo cáo tổng hợp, trong đó có đưa ra các khuyến nghị cho lãnh đạo Bộ NN và PTNT và các nhà tài trợ về các vấn đề chính sách và thể chế. Dự kiến, nếu có được một chuyên gia tư vấn trong thời gian cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8, thì dự thảo báo cáo cuối cùng có thể được hoàn thiện vào giữa tháng 8 năm 2004. ♦

Nguồn: VP ISG

## Các dự án mới về phòng chống thiên tai ở miền Trung

Miền Trung Việt Nam là khu vực hay bị thiên tai nhất của Việt Nam và có tỷ lệ nghèo cao. Hàng năm, khu vực này phải đương đầu với mọi loại hình thiên tai, đặc biệt là lũ lụt. Chỉ riêng trận lụt lịch sử diễn ra vào cuối năm 1999 đã cướp đi 800 sinh mạng và gây thiệt hại hơn 300 triệu USD. Những trận thiên tai như vậy có thể xoá đi thành quả phát triển của nhiều thập kỷ cũng như làm cho tình trạng đói nghèo và bất bình đẳng trở nên trầm trọng hơn. Thiên tai là trở ngại chính trên con đường đi tới phát triển bền vững và đạt được các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) ở Việt Nam, một nước có tới 70% dân số có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thủy tai.



Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2004 - Nhóm đối tác Giảm nhẹ thiên tai, bao gồm các cơ quan Chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ (NGO), đã ký kết hai dự án mới nhằm giảm nhẹ nguy cơ thiên tai tại tỉnh Bình Định và thành phố Đà Nẵng ở miền Trung Việt Nam.

Tổng ngân sách của các dự án là 2,6 triệu USD, do Chính phủ Hà Lan, Chính phủ Luxembourg và UNDP tài trợ. Phần lớn số kinh phí này là đóng góp của Chính phủ Hà Lan. Cả hai dự án đều nhằm giảm nguy cơ lũ lụt, hạn hán và các loại hình thiên tai khác bằng cách nâng cấp các công trình phòng chống lũ lụt, như đê điều và công, ở những địa phương trên, đồng thời tăng cường năng lực cho các địa phương này.

Trong khuôn khổ những dự án này, các địa phương được hỗ trợ và Cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cùng nhau nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai cũng như xây dựng năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai cho các cộng đồng dân cư. Ông Jordan Ryan, Đại diện Thường trú UNDP, nói: "Những dự án mới này đánh dấu một sự chuyển hướng quan trọng từ phòng chống thiên tai theo kiểu truyền thống sang quản lý thiên tai một cách hiệu quả hơn. Việc quan tâm giải quyết mối liên quan giữa thiên tai và xoá đói giảm nghèo có ý nghĩa căn bản để đạt được kết quả phát triển thực sự bền vững".

Ông Ryan đề nghị nêu rõ nội dung phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trong kế hoạch phát triển của địa phương và cho thấy rằng việc này cũng

tạo điều kiện cho sự tham gia rộng rãi hơn của người dân vào quá trình ra quyết định. Ông nói: "Nguy cơ thiên tai không phải là bất khả kháng. Trái lại, có thể quản lý và giảm nhẹ nguy cơ thiên tai thông qua các hoạt động phát triển phù hợp, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính quyền

trung ương và địa phương, các nhà tài trợ và cộng đồng dân cư". ♦

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Hoàng Tuấn Dũng.  
ĐT: 9421495 (máy lẻ: 1590);  
Fax: (04) 9422267; email:  
hoang.tuan.dung@undp.org hoặc  
Phạm Thanh Hằng (máy lẻ: 151);  
email: pham.thanh.hang@undp.org

## Thành lập Quỹ Ủy thác cho Ngành Lâm nghiệp (TFF)

Từ năm 1999, ngành lâm nghiệp Việt Nam nỗ lực chuyển hướng từ tiếp cận dự án sang tiếp cận ngành. Trong tiến trình này, được sự chỉ đạo của Chính phủ và sự ủng hộ của các Bộ, ngành liên quan, Bộ NN&PTNT đã cùng các Đối tác quốc tế nỗ lực để hình thành Quỹ Ủy thác cho Ngành Lâm nghiệp (Tiếng Anh là Trust Fund for Forest). Quỹ Ủy thác này sẽ do các nhà tài trợ quốc tế đóng góp để thực hiện Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và Dự án trồng mới 5 triệu hecta rừng.

Mục tiêu của Quỹ Ủy thác cho Ngành Lâm nghiệp là: (i) Gắn hỗ trợ ODA chặt chẽ hơn với các các mục tiêu đã được nhất trí xác định trong khung Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp; (ii) Cải thiện việc định hướng hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp vào mục tiêu giảm nghèo, nhất quán với Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo của Chính phủ; (iii) Hải hòa hóa viện trợ cho ngành lâm nghiệp và giảm chi phí giao dịch của Chính phủ; và (iv) Hỗ trợ việc chuyển đổi theo hướng tiếp cận ngành một cách toàn diện đối với hỗ trợ ODA trong ngành lâm nghiệp.

Các tổ chức song phương cam kết hỗ trợ Quỹ Ủy thác cho Ngành Lâm nghiệp và đảm bảo rằng các khoản kinh phí được sử dụng để thực hiện các nội dung ưu tiên phát triển ngành lâm nghiệp đã được phía Việt Nam và các đối tác quốc tế thống nhất.

Được phép của Thủ tướng Chính phủ, ngày 23/6/2004, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bùi Bá Bổng, đại diện Bộ NN&PTNT, và đại diện các đại sứ quán Hà Lan, Phần Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ ký Văn bản ghi nhớ thành lập Quỹ Ủy thác cho Ngành Lâm nghiệp và cam kết hỗ trợ tài chính cho Quỹ. Các đối tác khác sẽ tiếp tục ký bổ sung vào Văn bản Ghi nhớ này vào thời điểm và điều kiện thích hợp. ♦

Nguồn: VP FSSP

## Telecentre ở nông thôn

**D**ự án CCHC tại Bộ NN&PTNT VIE/02/016 do Chính phủ Vương quốc Hà Lan và UNDP đồng tài trợ có nhiệm vụ hỗ trợ Bộ tăng cường năng lực thể chế và nguồn nhân lực phục vụ công cuộc CCHC. Một trong số các biện pháp là ứng dụng CNTT truyền thông nhằm tăng cường năng lực thể chế. Bộ NN&PTNT đã thực hiện một cuộc nghiên cứu khả thi tìm hiểu cách sử dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người nông dân. Nghiên cứu khả thi này nhằm mục đích xây dựng một dự án thí điểm mô hình telecentre. Các trung tâm Telecentre nông thôn được thiết kế với chức năng cung cấp cho người nông dân các dịch vụ thông tin nông nghiệp có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của người nông dân, mang tính tiên phong và bền vững, từ đó tăng thu nhập cho các hoạt động nông nghiệp của họ.

Đặc điểm điển hình của các trung tâm CNTT truyền thông này là chủ yếu dùng để truy cập

internet và do các nhân viên có kiến thức quản lý. Những nhân viên này phải biết cách huy động các nguồn thông tin sao cho người nông dân có thể sử dụng một cách hiệu quả. Các trung tâm telecentre sẽ được kết nối với nhau và được hỗ trợ bởi một trung tâm đầu mối cung cấp thông tin. Trung tâm này có trách nhiệm thiết lập mối quan hệ giữa các đối tác có thể cung cấp được những thông tin hữu hiệu cho người nông dân.

Cuộc nghiên cứu được thực hiện dưới hình thức nghiên cứu thực địa ở 20 tỉnh lựa chọn ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam, kèm những nghiên cứu lý thuyết của các chuyên gia trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin.

Cuộc nghiên cứu này cũng khuyến nghị thành lập một tiểu dự án thí điểm về CNTT do dự án CCHC tại Bộ NN&PTNT quản lý. Mục tiêu là thiết lập 17 trung tâm telecentre tại các xã nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho nông dân và kích thích quá trình tái thiết ngành nông nghiệp và tăng sản lượng nông nghiệp tại các cấp cơ sở. ♦

*Nguồn: VIE/02/016*

Xin liên hệ:

*Dự án CCHC tại Bộ NN&PTNT tại địa chỉ sau để biết thêm chi tiết*

*Tel: 080 43 097*

*Fax: 733 9117*

*Email: vie02016@undp.org.vn*

## Nông nghiệp Việt Nam đạt những thành tựu quan trọng

**H**ội nghị đẩy mạnh "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nâng cao hiệu quả sử dụng đất - xây dựng cánh đồng, trang trại hộ nông dân đạt và vượt 50 triệu đồng/ha/năm" diễn ra tại Hà Nội trong hai ngày 16 và 17/4.

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội to lớn, đảm bảo GDP nông-lâm-ngư nghiệp liên tục tăng với tốc độ khá cao, tăng từ gần 3% năm 2001; hơn 4% năm 2002 và 3,2% năm 2003.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có mức độ chuyển đổi nhanh, giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt gần 28 triệu đồng/ha năm 2003 so với hơn 20 triệu đồng/ha vào năm 2000. Tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng, bình quân giá trị sản

xuất nông nghiệp và thủy sản năm 2003 đạt trên 37 triệu đồng/ha.

Nhờ tăng năng suất nên sản lượng lúa của Việt Nam tăng từ 32,5 triệu tấn năm 2000 lên 34,52 triệu tấn năm 2003 mặc dù diện tích gieo trồng lúa giảm 217.000ha so với năm 2000. Khối lượng gạo xuất khẩu năm 2003 đạt khoảng 3,86 triệu tấn, tăng 400.000 tấn so với 2000, đưa Việt Nam lên đứng hàng thứ 2 thế giới, sau Thái Lan về xuất khẩu gạo. Kim ngạch xuất khẩu đạt 727 triệu USD.

Phát biểu tại hội nghị, Thủ tướng Phan Văn Khải nêu rõ trong thời gian tới phải giải quyết một cách toàn diện vấn đề nông nghiệp và nông thôn, trong đó chú ý quan tâm phát triển các làng nghề, doanh nghiệp vừa và nhỏ. ♦

*Nguồn: Bộ NN&PTNT*

**C**hương trình Hợp tác Việt Nam - Australia về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (CARD) đang mời các đơn vị nộp "Thư Bày tỏ Nguyên vọng" tham gia chương trình. Theo kế hoạch, trong tháng 9 năm 2004 "Thư bày tỏ nguyên vọng" của các đơn vị sẽ được sơ chọn và đưa vào một danh sách ngắn. Sau đó, những "Thư bày tỏ Nguyên vọng" trong danh sách ngắn này sẽ được Chương trình mời xây dựng dự án hoàn chỉnh.

## Chương trình CARD mời các các đơn vị nộp "Thư Bày tỏ Nguyên vọng"

Chương trình CARD là một sáng kiến của Chính phủ Australia được tài trợ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế (AusAID), nhằm hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong việc thực hiện các mục tiêu đề ra trong Chiến lược Toàn diện về Tăng trưởng và Xoá đói giảm nghèo (CPRGS).

Tổng kinh phí của Chương trình là 19,5 triệu đô la Úc sẽ được giành để cấp kinh phí cho các dự án nghiên cứu được các đơn vị Việt Nam phối hợp với các đơn vị của Úc đề xuất. Các dự án nghiên cứu thuộc các ngành chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.

Một phần hỗ trợ sẽ được giành để giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng và quản lý hệ thống quản lý nghiên cứu và phát triển.

Thời gian của Chương trình là 6 năm. ♦

*Thông tin chi tiết về Chương trình CARD được đăng trên trang web [www.isgmard.org.vn](http://www.isgmard.org.vn) (related links-CARD Program).*

# Thực hiện CPRGS ở nông thôn

(Tiếp theo trang 1)

một nửa, nhưng tốc độ chậm dần (giai đoạn 93-98 là 2,1% năm, giai đoạn 98-2002 là 1,2% năm) nhất là ở các vùng nghèo như Tây Nguyên, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

2. Hội nhập và gia nhập WTO. Thách thức này thể hiện ở các khía cạnh: tăng năng lực quản lý nhà nước và dịch vụ công; tăng năng lực quản trị và định hướng thị trường cho doanh nghiệp; trang bị kiến thức thị trường cho nông dân. Bộ NN và PTNT đang chỉ đạo xây dựng lộ trình và các năng lực phục vụ hội nhập của ngành nói chung và gia nhập WTO nói riêng.

3. Tăng năng suất và sức cạnh tranh. Áp dụng công nghệ mới và tăng cường năng lực quản trị theo cơ chế thị trường có thể làm tăng năng suất và sức cạnh tranh. Tuy nhiên, việc hoạch định các ưu tiên để đầu tư, điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành và địa phương (cấp vĩ mô), điều chỉnh cơ cấu kinh doanh và sản phẩm của doanh nghiệp (cấp vi mô) lại đặt ra yêu cầu tăng cường năng lực và đầu tư tương đối lớn cho các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ công, các nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân.

4. Tạo việc làm và thu nhập phi nông nghiệp. Đây là vấn đề lớn của phát triển nông thôn, đòi hỏi việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi cơ cấu kinh tế phải theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, đa dạng hoá và phát triển ngành nghề nông thôn, phát triển các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản xuất, phát triển các thị trường dịch vụ tài chính, lao động ở các vùng nông thôn.

5. Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Phát triển nông thôn đòi hỏi các quy hoạch và chính sách



Chiến lược 10 năm phát triển NN và nông thôn 2001 - 2010 tập trung vào việc đạt được ba mục tiêu:

1. Tăng thu nhập ở khu vực nông thôn trên cơ sở tăng trưởng chất lượng cao, bền vững và toàn diện
2. Giảm chênh lệch thu nhập, giảm rủi ro và nguy cơ tổn thương, cải thiện an ninh lương thực và phúc lợi xã hội cho người nghèo
3. Nâng cao tính bền vững của nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nông thôn

khai thác sử dụng đất, nước, rừng và các tài nguyên khác, do đó cần có chiến lược dài hạn để quản lý và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên.

6. Giảm mức độ dễ bị tổn thương, đặc biệt là ở những nơi còn nhiều khó khăn. Công bằng trong phát triển và giảm khoảng cách nghèo đói khi đẩy mạnh tăng trưởng không chỉ đòi hỏi một hệ thống phúc lợi công cộng và an sinh xã hội hợp lý hướng tới người nghèo và vùng nghèo, mà còn cần có chiến lược phát triển các đối tượng này một cách lâu dài.

### III- Kế hoạch cho tương lai

Về lâu dài, có bốn lĩnh vực Bộ NN và PTNT cần tập trung nỗ lực thực hiện

CPRGP:

#### 1. Giám sát và đánh giá.

Trước tiên phải gắn kết ba trụ cột phát triển (tiếp tục cải cách, phát triển bền vững và công bằng, tăng cường năng lực quản trị). Trong đó mỗi trụ cột có một bộ các mục tiêu, một loạt các chỉ số để giám sát kết quả (chẳng hạn như tăng thu nhập hoặc chi tiêu ở nông thôn), các đầu ra (ví dụ: số lượng các công nghệ mới đến tay nông dân), và các đầu vào (các chính sách chi tiêu công và chi tiêu cho khu vực tư nhân).

2. **Chỉ tiêu công.** Thực hiện CPRGS cần đảm bảo rằng các khoản chi tiêu và đầu tư công của Bộ NN và PTNT sẽ đóng góp vào 3 trụ cột đã xác định. Trước hết phải đánh giá tác động của

chi tiêu công trước đây tới 3 trụ cột, và phân tích (thẩm định) được tác động của các khoản đầu tư tương lai.

3. **Tiếp tục đổi mới chính sách NN-PTNT.** Để đạt được các mục tiêu mong muốn, cần tiếp tục đổi mới các chính sách NN-PTNT một cách mạnh mẽ hơn nữa. Để có căn cứ vững chắc, cần nghiên cứu đánh giá quá trình thực hiện các chính sách hiện hành. Chủ đề chính cho việc nghiên cứu sâu hơn sẽ được xác định trên cơ sở ba trụ cột nêu trên. Sau đó, có thể sẽ điều chỉnh căn cứ theo kết quả nghiên cứu, tận dụng tốt hơn các kết quả phân tích định tính có tham khảo ý kiến của người nghèo. Sáng kiến của ISG trong việc chuẩn bị Bản Tổng hợp khuyến nghị chính sách sẽ hỗ trợ Bộ NN&PTNT xác định những vấn đề bức xúc nhất của ngành Nông nghiệp và PTNT.

#### 4. Triển khai CPRGS đến các tỉnh.

Ở cấp tỉnh, cũng có những thách thức tương tự. Vấn đề quan trọng nhất là đảm bảo rằng những người làm chính sách sẽ được tiếp cận với nhiều thông tin chất lượng cao hơn về chính sách và chi tiêu.

Trước mắt, cần phải thực hiện bốn biện pháp:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về CPRGS trong Bộ và các Sở NN&PTNT. Theo khảo sát, nhận thức về CPRGS ở các đơn vị ngành dọc của Bộ chưa đáp được nhiệm vụ và thách thức nêu trên;

2. Hoàn thiện công tác tổ chức trong Bộ NN&PTNT, tổ chức thảo luận và tham vấn giữa các đơn vị trong Bộ, đảm bảo việc trao đổi thông tin xuyên suốt với các Bộ khác và các tỉnh;

3. Thực hiện đánh giá của Bộ NN&PTNT về kinh nghiệm thực hiện đổi mới trong 20 năm qua của ngành NN&PTNT;

4. Lồng ghép CPRGS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm tới của ngành.◆

Nguồn: Bộ NN&PTNN

# Áp dụng SWAPs trong Ngành lâm nghiệp Việt Nam

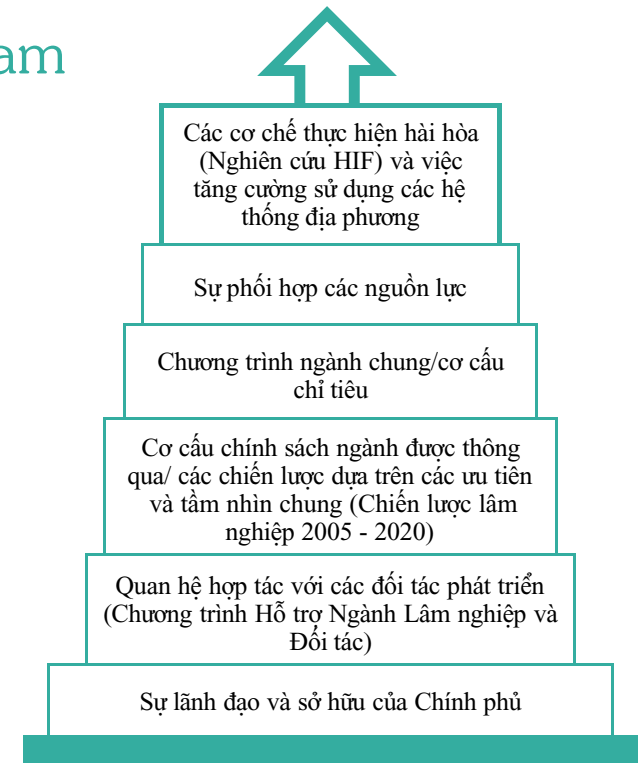
**P**hương pháp tiếp cận ngành (tiếng Anh là Sector Wide Approaches - SWAPs) là một khái niệm còn khá mới mẻ đối với Việt Nam. Nói một cách ngắn gọn, phương pháp tiếp cận ngành là phương pháp tiếp cận mà các nhà tài trợ và Chính phủ cùng đồng thuận hỗ trợ một cách toàn diện cho toàn ngành thay vì cách tiếp cận dự án trực tiếp. Cách tiếp cận nhằm hỗ trợ quá trình xây dựng chính sách, thực thi, hiệu lực hóa chính sách đó ở cấp ngành và tiểu ngành. Theo bà Chiyo Kanda, chuyên gia về SWAPs, Ngân hàng Thế giới, "phương pháp tiếp cận ngành không phải là một công cụ để cung cấp viện trợ hay cho vay, nó cũng không giới hạn những phương thức tài chính cụ thể".

Dựa trên một số mô hình về SWAPs đang được áp dụng ở một số nước, và sơ đồ các yếu tố quan trọng của SWAPs. Theo đó, sơ đồ dưới

đây là biến thể các yếu tố của SWAPs cụ thể cho tình hình Việt Nam.

Hiện tại, đã có những cuộc thảo luận về mức độ mà SWAPs đang được áp dụng trong ngành lâm nghiệp, và định hướng áp dụng toàn bộ SWAPs sau này. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay sẽ có nhiều khó khăn và thách thức khi áp dụng SWAPs.

Bà Susan Shen thuộc Ngân hàng Thế giới khẳng định ngành lâm nghiệp Việt Nam đã và đang áp dụng SWAPs. FSSP đang thực hiện Nghiên cứu hài hoà hoá khung thực hiện dự án, nhưng chỉ đề cập ở cấp trung ương và các nhà tài trợ như Chương trình 661 và các dự án của ADB, WB, JIBIC, EU, chứ chưa đề cập đến cấp địa phương. Nếu không nắm được thông tin từ địa phương thì các nhà tài trợ khó mà hỗ trợ. Thực chất nhiều nước khác cũng gặp nhiều khó khăn và trở ngại khi thực hiện SWAPs chứ không chỉ



ngành lâm nghiệp Việt Nam. Vì tính ưu việt của SWAPs, chúng ta có thể thực hiện SWAPs theo từng bước và từng thời điểm phù hợp.

Để tăng cường nhận thức về SWAPs, hai năm qua Văn

phòng Điều phối đã tổ chức một số hội thảo, đào tạo cho cán bộ ở cấp trung ương và một số địa phương. ♦

Nguồn: VP FSSP

## Đánh giá tổng kết Dự án Phát triển Lâm nghiệp xã hội Sông Đà (SFDP)

**D**ự án hợp tác kỹ thuật 12 năm này do GTZ (Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức) tài trợ và Cục Lâm nghiệp thực hiện tại vùng Tây Bắc Việt Nam (tỉnh Sơn La và Lai Châu, nay là tỉnh Điện Biên) từ năm 1993. Tháng 5/2004, Bộ NN&PTNT đã phối hợp với GTZ tiến hành đánh giá tổng kết dự án.

Tại Hội thảo Đánh giá tổng kết Dự án được tổ chức tại Hà Nội ngày 01/6, đại diện các cơ quan của Bộ NN&PTNT, các tổ chức trong nước và quốc tế và các dự án đã đánh giá cao các kết quả và thành công của dự

án. Phát biểu tại Hội thảo, ông Nguyễn Ngọc Bình, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp đánh giá: "Dự án Phát triển Lâm nghiệp xã hội Sông Đà là biểu hiện sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của chính phủ CHLB Đức, sự phối hợp điều hành về chuyên môn của các chuyên gia GTZ, sự cộng tác về phía các cơ quan tổng hợp của chính phủ Việt Nam ở Trung ương, các chuyên gia Việt Nam và các cấp chính quyền, nhân dân hai tỉnh Sơn La, Lai Châu".

Dự án đã phát triển thành công các phương pháp luận có sự tham gia cho

các lĩnh vực Quy hoạch sử dụng đất và giao đất, Lập kế hoạch Quản lý rừng cộng đồng, Lập kế hoạch Phát triển thôn bản và Phương pháp khuyến nông có sự tham gia và xây dựng năng lực cho cán bộ địa phương qua các khóa đào tạo, từ đó đóng góp hiệu quả cho việc thiết lập cơ sở kỹ thuật cho các dự án phát triển khác trong vùng Tây Bắc Việt Nam. ♦

Nguồn: Dự án FSDP

Để có thêm chi tiết về các kết quả của dự án xin liên hệ:

Dự án Phát triển Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà

Tel: 84 - 4 - 821 47.68/71;

Fax: 84 - 4 - 821 47 65.

Email: gtzsfdp@hn.vnn.vn

<mailto:gtzsfdp@hn.vnn.vn>

Website:

<<http://www.mekonginfo.org/partners/SFDP/index.htm>>

## Tác động của WTO đối với các sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Bắc



Ngày 12 tháng 5 năm 2004, Liên Hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Liên hiệp hội) và Hội Nông dân Việt Nam đã tổ chức hội thảo khu vực "Những tác động có thể của WTO đối với các sản phẩm nông nghiệp ở vùng Tây Bắc Việt Nam" tại Thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La. Hội thảo được trợ giúp kỹ thuật và tài chính của SNV Việt Nam, VECO và Oxfam Anh.

Hơn 80 đại biểu đại diện cho Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam, Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam, Ủy ban nhân dân và các ban ngành của các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Lào Cai cùng một số tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam đã đến dự hội thảo. Mục đích chính của Hội thảo là:

- Nâng cao nhận thức của các tổ chức liên quan về những thách thức và cơ hội

của Việt Nam khi tham gia WTO, đặc biệt những ảnh hưởng có thể của WTO đối với các sản phẩm nông nghiệp ở vùng Tây Bắc Việt Nam thông qua chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn quốc tế.

- Thông tin cho các đại biểu về việc chuẩn bị tham gia WTO của chính phủ, sự phát triển chính sách ở tầm vĩ mô về thương mại và nông nghiệp.

- Đề xuất các giải pháp hạn chế tác động xấu của WTO đối với các sản phẩm nông nghiệp và nông dân vùng Tây Bắc, Việt Nam.

Đối với nhiều đại biểu các tỉnh, đây là lần đầu tiên họ được nghe và bàn luận về WTO và quá trình gia nhập của Việt Nam. Hội thảo này đã cho họ cơ hội nêu lên các mối quan tâm của mình và đóng góp thiết thực cho đoàn đàm phán của Chính phủ. Những kết luận chính của hội thảo như sau:

- Nhu cầu nâng cao nhận

thức về WTO và tác động của nó cho các tầng lớp dân cư rất cao, đặc biệt cho những người ở các cấp tỉnh và cộng đồng.

- Chính phủ Việt Nam cần có biện pháp thích hợp để hỗ trợ việc chuẩn bị gia nhập WTO của các địa phương, đặc biệt cho các vùng nghèo, xa xôi hẻo lánh như vùng Tây Bắc Việt Nam. Sự hỗ trợ của Chính phủ cần tập trung vào các chính sách có lợi cho người nghèo, tăng đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, và trợ cấp cho nông dân nghèo.

- Chính sách phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh cần tính đến những tác động của WTO đến ngành nông nghiệp địa phương: chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp có khả năng cạnh tranh cao như các giống ngô và lúa bản địa, chè, hồi, quế; xây dựng các chương trình hỗ trợ nông dân nghèo và lưới an sinh xã hội. Những tác nhân địa phương khác như các nhà sản xuất, các

doanh nghiệp, và các tổ chức quần chúng nên được tham gia vào quá trình hoạch định chính sách.

- Cần nghiên cứu thêm về ảnh hưởng có thể của WTO đối với các mặt hàng chủ lực ở các khu vực để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định và có những bước chuẩn bị cần thiết nhằm hạn chế tác động xấu của WTO đến an ninh lương thực và ngành nông nghiệp.

- Cần khuyến khích và tăng cường các cuộc thảo luận chính sách giữa các cơ quan trung ương (đoàn đàm phán chính phủ và các nhà hoạch định chính sách) và các nhóm đối tượng cấp tỉnh (những khối ngành chịu tác động).◆

*Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:*

*Chị Hoàng Lan Anh  
Cán bộ Chương trình, SNV  
Việt Nam  
ĐT: 04-8463791  
Fax: 04-8463794*

## Phiên 8 đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam

Từ ngày 9 - 18/6/2004, phiên 8 đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam đã được tổ chức tại trụ sở của WTO ở Geneva, Thụy Sĩ. Trong thời gian này, Đoàn Việt Nam đồng thời tiến hành các phiên đàm phán song phương và đa phương. Trước phiên đa phương có phiên nhiều bên về nông nghiệp. Phiên đa phương được tổ chức vào ngày 15/6, nhiều thành viên như EU, Canada, Hoa Kỳ, Cu Ba, Australia, Arhentina, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines... đều phát biểu ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO, đánh giá cao những cố gắng của Việt Nam trong việc chuẩn bị tài liệu và

có những bước tiến bộ đáng kể trong các bản chào về hàng hoá, dịch vụ và xây dựng các chương trình hành động thực hiện các Hiệp định đa phương như Hiệp định các biện pháp về đầu tư (TRIMs), Hiệp định về sở hữu trí tuệ (TRIPs), Hiệp định trị giá hải quan (CVA), Hiệp định về rào cản trong thương mại (TBT) và Hiệp định các biện pháp về vệ sinh kiểm dịch động thực vật (SPS).

Do Việt Nam đã chuẩn bị tốt cả về tài liệu và nội dung, hầu hết các nước thành viên tham dự phiên họp đều nhất trí chuyển sang thảo luận dự thảo báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO (Draft Report-DR) tại phiên

9 sắp tới (dự kiến vào tháng 12/2004) và đề nghị Việt Nam đẩy nhanh hơn nữa tiến trình đàm phán song phương.

Tại phiên nhiều bên về nông nghiệp, các nước thành viên có quan tâm về nông nghiệp như Australia, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Arhentina, Đài loan, Colombia... đánh giá cao và ủng hộ Việt Nam trong việc chuẩn bị và điều chỉnh lại bản kê khai hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu (tài liệu ACC 4) và đưa ra những ý kiến để Việt Nam làm rõ hơn một số nội dung của bản kê khai này.◆

*Nguồn: Vụ HTQT*

## Thông tin - Giáo dục - Truyền thông trong cấp nước và vệ sinh nông thôn

**T**rong hai ngày 20 và 21 tháng 5 năm 2004, tại Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh, Chương trình Hỗ trợ Ngành nước (WaterSPS) của Bộ NN và PTNT (Tiểu hợp phần hỗ trợ thực thi Chiến lược Quốc gia Cấp nước và Vệ sinh nông thôn), và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Bộ NN và PTNT đã phối hợp tổ chức Hội thảo trao đổi kinh nghiệm về công tác Thông tin - Giáo

dục - truyền thông trong cấp nước và vệ sinh nông thôn.

Tham dự hội thảo có khoảng 60 đại biểu đại diện cho Bộ NN và PTNT, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Trung ương và một số tỉnh, Hội nông dân huyện Đan Phượng, các tổ chức quốc tế: Danida, AusAID, UNICEF, WHO, CARE, Quỹ Nhi đồng Úc (CCF). Đại diện của ISG cũng đã được mời tham dự hội thảo này.

Trong hai ngày hội thảo,

các đại biểu đã thảo luận những khó khăn còn tồn tại trong công tác thông tin, giáo dục và truyền thông về cấp nước và vệ sinh nông thôn. Hội thảo đã thống nhất 4 khó khăn nhất theo mức độ cao nhất, đó là: (i) các kỹ năng truyền thông còn hạn chế, (ii) thiếu sự phối hợp và điều phối, ở cả cấp trung ương và địa phương, theo chiều dọc cũng như chiều ngang, (iii) thiếu cán bộ làm công tác truyền thông, và (iv) thiếu

kinh phí. Để góp phần khắc phục các hạn chế nêu trên, các đại biểu cũng đã thảo luận đến một số giải pháp trong công tác thông tin, giáo dục và truyền thông. Biên bản hội thảo đã được ban tổ chức hoàn thành và hiện có trên ISG website. ♦

(Xin liên hệ Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Bộ NN và PTNT để biết thêm chi tiết).

Nguồn: VP ISG

## Cập nhật tình hình hoạt động của TAG3

**\* Ngày 19 tháng 5 vừa qua,** VP ISG đã tổ chức cuộc họp thường kỳ lần thứ 3 của Nhóm công tác chuyên đề 3 (TAG3) về Hỗ trợ thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS) trong ngành nông nghiệp và PTNT. Cuộc họp thường kỳ lần này do TS. Lê Văn Minh, Vụ trưởng, Vụ HTQT, Bộ NN&PTNT, và Ông Pieter Smidt, Chuyên gia cao cấp thực hiện dự án, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại Việt Nam đồng chủ trì.

Những vấn đề đã được thảo luận tại cuộc họp là:

- Chia sẻ thông tin về việc thực hiện CPRGS, đặc biệt là ở cấp địa phương
- Thảo luận hỗ trợ thực hiện CPRGS ở cấp địa phương được tốt hơn.
- Thu thập ý kiến để hoàn thiện kế hoạch công tác của TAG3 cho năm 2004
- Thu thập ý kiến đóng góp cho Dự thảo đề cương Báo cáo của Bộ NN và PTNT tại Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ (Hội nghị CG) giữa kỳ sẽ được tổ chức vào ngày 16-17 tháng 6 năm 2004.
- Các hoạt động liên quan đến việc chuẩn bị thành lập đầu mối đối thoại

**\* Tiếp theo đợt công tác tới 5 tỉnh** (An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Thanh Hoá và Thái Nguyên) trong khuôn khổ của hoạt động thành lập đầu mối đối thoại tại cấp tỉnh, dự kiến trong tháng 7 - 8/2004, Văn phòng ISG sẽ phối hợp cùng với CECI và CDEEP tổ chức đào tạo về kỹ năng lập kế hoạch theo cách tiếp cận dựa vào kết quả và lồng ghép với các mục tiêu CPRGS cho 5 tỉnh nêu trên. Xin liên hệ VP ISG để biết thêm chi tiết về hoạt động này. ♦

Nguồn: VP ISG

## Tin văn

### **\* 30 triệu USD xây dựng cơ sở hạ tầng cho 23 tỉnh khó khăn**

Hà Nội ngày 6 - 5 - 2004 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ADB và AFD đã phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn giai đoạn 1998-2004.

Tại Hội nghị, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) đã cam kết tiếp tục hỗ trợ cho Việt Nam khoảng 30 triệu USD, trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 12 năm nay, để thực hiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn cho những người dân nghèo tại 23 tỉnh, thành khó khăn.

Dự án ngành cơ sở hạ tầng nông thôn có 180 tiểu dự án, với tổng vốn đầu tư 150 triệu USD, do ADB và AFD tài trợ, được triển khai tại 23 tỉnh nghèo trong giai đoạn 1998-2004. Đại diện ADB và AFD đều đánh giá tốt tiến độ thực hiện và hiệu quả của các dự án cơ sở hạ tầng nông thôn được triển khai tại Việt Nam.

### **\* 7,6 triệu USD khắc phục khẩn cấp hậu quả dịch cúm gia cầm**

Hà Nội, ngày 31 - 5 - 2004 - Bộ NN&PTNT dự kiến sẽ đề trình lên Ban Điều hành Ngân hàng Thế giới (WB) phê chuẩn trong tháng 6.2004 đề xuất dự án khắc phục khẩn cấp dịch cúm gia cầm được với tổng mức kinh phí là 7,6 triệu USD.

Báo cáo chuẩn bị dự án này được Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) soạn thảo và gửi cho Chính phủ Việt Nam vào giữa tháng 4 - 2004. Mới đây, trong các ngày từ 10 - 27/5, một đoàn công tác hỗn hợp thuộc FAO và Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) đã đến làm việc tại Việt Nam để hoàn thiện báo cáo trên. 10 địa phương trong cả nước đã được lựa chọn tham gia dự án, trong đó có các tỉnh trọng điểm như: Vĩnh Phúc, Hà Tây, Huế, Bình Định, Đồng Tháp và An Giang. Hàng nghìn hộ chăn nuôi gia cầm sẽ được hưởng lợi từ dự án này.

Dự kiến dự án sẽ được triển khai từ tháng 7 - 2004 đến hết tháng 6 - 2006 với 4 hợp phần: Tăng cường khả năng chẩn đoán, giám sát dịch bệnh và nghiên cứu virus cúm gia cầm có độc lực cao; khôi phục ngành chăn nuôi gia cầm; thông tin và truyền thông đại chúng và quản lý dự án.

Nguồn: Bộ NN&PTNT

## Thành lập đầu mối đối thoại chính sách tại địa phương

**T**heo kế hoạch công tác, trong tháng 4 và 5-2004, Văn phòng ISG đã phối hợp với Trung tâm nghiên cứu và hợp tác Quốc tế Canada (CECI) làm việc tại 5 tỉnh (An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Thanh Hoá và Thái Nguyên) để tìm hiểu khả năng thành lập đầu mối đối thoại ở địa phương thông qua đó hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và PTNT lồng ghép thực hiện CPRGS.

Trong chuyên công tác VP ISG và CECI đã giới thiệu với Sở NN&PTNT của các tỉnh những nội dung: (i) Tóm tắt Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS), (ii) nhu cầu và mục đích của việc thành lập đầu mối đối thoại chính sách phục vụ phát triển Nông nghiệp và PTNT tại cấp tỉnh, (iii) giới thiệu các công cụ phục vụ cho việc tăng cường đối thoại chính sách. Các Sở NN&PTNT cũng có cơ hội để trình bày về năng lực thực hiện CPRGS trong ngành NN&PTNT của địa phương.

Đầu mối đối thoại chính sách tại địa phương được thành lập để tăng cường việc trao đổi và chia sẻ thông tin giữa trung ương, địa phương và cộng đồng các



Làng cá bè Châu Đốc - An Giang

nhà tài trợ quốc tế. Việc trao đổi thông tin chủ yếu sẽ được thực hiện thông qua các công cụ của ISG như trang web ISG, Bản

tin tháng, Bản tin quý, các cuộc họp của các Nhóm công tác chuyên đề (TAGs). Căn cứ vào điều kiện thực tế và sự hỗ trợ trực tiếp của các dự án đang thực hiện tại địa phương, Văn phòng ISG và Sở NN&PTNT tại các tỉnh nêu trên có thể sẽ tổ chức những buổi làm việc trực tiếp giữa cộng đồng các nhà tài trợ với địa phương.

Trong thời gian tới VP ISG sẽ tiếp tục tìm hiểu các cơ hội để phối hợp chặt chẽ hơn với các đối tác và các dự án đang tiến hành của Bộ NN&PTNT và của các tỉnh đặc biệt là Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP), Đối tác giảm nhẹ thiên tai (NDM-Partnership) và Dự án Hỗ trợ chương trình CCHC tại Bộ NN&PTNT. Bên cạnh đó VP ISG cũng sẽ tiếp tục phối hợp và tìm hiểu các cơ hội để hợp tác với các nhà tài trợ để thực hiện hoạt động này. Trước mắt VP ISG sẽ phối hợp với CECI thực hiện kế hoạch thành lập nhóm công tác tại địa phương do CECI đề xuất, đồng thời chuẩn bị phối hợp với Cơ quan phát triển Úc (AusAID) để xây dựng kế hoạch phát triển các mô hình điển hình trao đổi chính sách điển hình đối với một số tỉnh phát triển.◆

### Chương trình xoá đói giảm nghèo của An Giang

An Giang là một trong những địa phương sớm có kế hoạch lồng ghép các hoạt động vào một khuôn khổ. "Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo và việc làm tỉnh An Giang 2001 - 2005", được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1340/2001/QĐ-UB ngày 16/08/2001, là một chương trình tổng hợp liên ngành và nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thể hiện một cách làm kế hoạch dựa vào kết quả qua việc xác định các mục tiêu cụ thể, phân tích nguồn lực khả dụng và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan của tỉnh.

Tăng trưởng kinh tế dựa trên lợi thế của địa phương là một góc độ tiếp cận khác của xoá đói giảm nghèo. An Giang đã ban hành 9 quyết định ưu đãi đầu tư (đã được thay thế bằng Quyết định số 522/2002/QĐ-UB) nhằm thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị. Chính sách này tác động trên các mặt:

- Cơ sở hạ tầng nông thôn
- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, công nghệ sau thu hoạch)
- Việc làm trong mùa nước nổi
- Tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng với nông dân
- Đào tạo nguồn nhân lực

Nguồn: Sở NN&PTNT An Giang, ISG

Nguồn: VP ISG